

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 10 - 2023

V/v: “*Không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Thắng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Thanh và bà Bùi Thị Hà
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hoàng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cư Mgar
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 07 năm 2023 về việc “không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 12/09/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 36/2023/QĐST - DS ngày 28/09/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị S; sinh năm 1970 (có mặt)
 - Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T; sinh năm 1959 (có mặt)
- Cùng trú tại: Thôn A, xã EM, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Cao Thị S trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống nhau từ năm 1989 và có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn và hiện nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Kể từ khi chung sống chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mục đích của việc sống chung không đạt được như mong muốn. Nay tôi thấy không còn tình cảm và không thể sống chung với nhau được nữa nên tôi có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết không công quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là cháu 04 là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 2000; Nguyễn Cao Quang Tr 19/05/2006; Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1990; Nguyễn Minh G, sinh ngày 29/12/1991. Hiện nay các cháu Nguyễn Thị Nh, Nguyễn

Thị Hồng N, Nguyễn Minh G đã trưởng thành và phát triển bình thường và không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Cao Quang Tr 19/05/2006 hiện nay đang ở với tôi nên tôi sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Tôi và chị Cao Thị S chung sống với nhau từ năm 1989 tại xã Ea Mnang, huyện Cư Mgar nhưng không đăng ký kết hôn và hiện nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả.

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là 04 là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 2000; Nguyễn Cao Quang Tr 19/05/2006; Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1990; Nguyễn Minh G, sinh ngày 29/12/1991. Hiện nay các cháu Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Minh G đã trưởng thành và phát triển bình thường và không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Cao Quang Tr 19/05/2006 tôi đồng ý giao cháu Tr cho chị Cao Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

- Đối với Thẩm Phán: Đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và thực hiện đúng thời hạn xét xử.

- Đối với Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự:

Đối với nguyên đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị S.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Cao Thị S và anh Nguyễn Minh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Cao Thị S và anh Nguyễn Minh T có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 2000; Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1990; Nguyễn Minh G, sinh năm 1991; Nguyễn Cao Quang Tr 19/05/2006. Hiện nay các cháu Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Minh G đã trưởng thành và phát triển bình thường và không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Nguyễn Cao Quang Tr 19/05/2006 cho chị Cao

Thị S tiếp tục để chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị S và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền Tòa án:

Chị Cao Thị S khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Minh T nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị S và anh Nguyễn Minh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1989, tuy có đủ đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị S và anh T không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình chung sống giữa chị Cao Thị S và anh Nguyễn Minh T thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng, đời sống chung không hạnh phúc. Chị S và anh T đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nữa và đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng. Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị S là phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu không công nhận chị Cao Thị S và anh Nguyễn Minh T là vợ chồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Cao Thị S và anh Nguyễn Minh T có 04 người con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 2000; Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1990; Nguyễn Minh G, sinh năm 1991 và Nguyễn Cao Quang Tr 19/05/2006. Hiện nay các cháu Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Minh G đã trưởng thành và phát triển bình thường và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Cao Quang Tr 19/05/2006 hiện nay cháu Tr đang được chị Cao Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và cháu Tr cũng có nguyện vọng được ở với chị S. Hội đồng xét xử xét thấy xét nguyện vọng của chị Cao Thị S là chính đáng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện nay nên giao cháu Nguyễn Cao Quang Tr 19/05/2006 cho chị Cao Thị S tiếp tục để chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cao Thị S không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị S và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Cao Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 171 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng vào các Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị S

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Cao Thị S và anh Nguyễn Minh T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cao Quang Tr 19/05/2006 cho chị Cao Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cao Thị S không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Minh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị S và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình:

Chị Cao Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị Cao Thị S đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014439 ngày 13/07/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

ĐẶNG NGỌC THẮNG

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh DakLak;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự Cư M'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu H sơ vụ án, lưu TA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐẶNG NGỌC THẮNG

